

Số: 1403/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1161/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh ngày 15/8/1982;

Căn cước 079182003461 cấp ngày 13/01/2022;

Địa chỉ thường trú (trước sáp nhập): Tổ 10, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thường trú (sau sáp nhập): xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú (trước sáp nhập): A Đường T, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông **Dương Tấn T**, sinh ngày 12/12/1977;

Căn cước công dân 079077018455 cấp ngày 22/4/2021;

Địa chỉ thường trú (trước sáp nhập): Võ Thị N, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thường trú (sau sáp nhập): xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú (trước sáp nhập): A Đường T, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú và cư trú (sau sáp nhập): 186/6/11B Khu phố D, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: “V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Dương Tấn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 31/3/2008, Số: 83, Quyền số: 01. Nay, bà H – ông T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Dương Tấn T có với nhau 02 (hai) người con Dương Quốc A, sinh ngày 16/12/2008, Dương Hoàng Nhật A1, sinh ngày 18/01/2010. Bà H – ông T thỏa thuận: Giao 02 (hai) người con tên Quốc A, Nhật A1 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đối với 02 (hai) người con, mức cấp dưỡng 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/người con.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 15 (mười lăm) hàng tháng, bắt đầu thực hiện vào ngày 15/12/2025.

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Dương Tấn T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản.

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Dương Tấn T thỏa thuận: Bà H tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Dương Tấn T thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 31/3/2008, Số: 83, Quyền số: 01 không còn giá trị.

- Về con chung: Có 02 (hai) người con Dương Quốc A, sinh ngày 16/12/2008, Dương Hoàng Nhật A1, sinh ngày 18/01/2010. Giao 02 (hai) người con tên Quốc A, Nhật A1 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Ông Dương Tấn T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đối với 02 (hai) người con, mức cấp dưỡng 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/người con.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 15 (mười lăm) hàng tháng, bắt đầu thực hiện vào ngày 15/12/2025.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thi hành án do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực có thẩm quyền.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Phòng Thi hành án dân sự khu vực có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Dương Tấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Dương Tấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bà H được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Số: 0041316 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Tp. HCM;
- Phòng THADS khu vực 7 - Tp. HCM;
- UBND xã Củ Chi, Tp. HCM;
- (UBND xã Tân Phú Trung, Tp. HCM);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Mỹ Kim